

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM, ĐẠI HỌC HUẾ

NGUYỄN VIỆT DŨNG^{1,*}, TRẦN THỊ TÚ ANH^{2,**}

¹Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

²Khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

*Email: nguyenvietdung@dhsphue.edu.vn

**Email: tuanh.tran@yahoo.com

Tóm tắt: Nghiên cứu khoa học (NCKH) là một trong hai nhiệm vụ chính của người giảng viên, bên cạnh hoạt động giảng dạy. Nó tạo điều kiện cho giảng viên đóng góp vào sự phát triển chung của chuyên ngành khoa học, giải quyết những vấn đề của xã hội, giúp họ nâng cao năng lực của bản thân và chất lượng đào tạo đại học. Bài báo này trình bày kết quả nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động NCKH của giảng viên Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP), Đại học Huế, từ đó, đề xuất những biện pháp quản lý phù hợp và khả thi nhằm nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của giảng viên. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi được sử dụng với 155 cán bộ quản lý (CBQL) và giảng viên Trường ĐHSP, Đại học Huế. Kết quả nghiên cứu cho thấy Trường đã quan tâm đến công tác lập kế hoạch; tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch; kiểm tra, đánh giá hoạt động NCKH của giảng viên; cũng như cố gắng đảm bảo các điều kiện cần thiết cho hoạt động. Tuy nhiên, Trường cũng cần thực hiện những biện pháp quản lý nhằm khắc phục hạn chế còn tồn đọng, từ đó, nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của giảng viên.

Từ khóa: Giảng viên, nghiên cứu khoa học, quản lý, biện pháp quản lý, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghiên cứu khoa học là hoạt động tìm kiếm, khám phá bản chất của sự vật, hiện tượng, từ đó, sáng tạo ra tri thức mới, phương pháp, phương tiện kỹ thuật mới nhằm biến đổi, cải tạo thế giới, phục vụ mục tiêu phát triển của con người [4]. Hoạt động nghiên cứu khoa học đã làm phong phú kho tàng tri thức của nhân loại, giúp giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thế giới tự nhiên và xã hội. Vì vậy, đầu tư cho nghiên cứu khoa học là một hướng đi được nhiều nước trên thế giới quan tâm nhằm đạt mục tiêu phát triển.

Ở Việt Nam, Nghị định 99/2014/NĐ-CP đã ban hành “Quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học” [2]. Việc ban hành Nghị định này cho thấy sự quan tâm của Chính phủ đối với hoạt động KHCN nói chung và hoạt động KHCN trong các cơ sở giáo dục đại học nói riêng. Điều 10 của Nghị định đã dành riêng cho việc Khuyến khích giảng viên NCKH.

Hoạt động NCKH ở các trường đại học đóng vai trò rất quan trọng. Bên cạnh sự đóng góp đối với sự phát triển của chuyên ngành khoa học và giải quyết những vấn đề của xã hội, NCKH còn góp phần khẳng định uy thế, vị trí của trường đại học trên thế giới và trong nước. Số lượng công trình khoa học và chỉ số trích dẫn là một trong 7 chỉ số được sử dụng và có trọng số cao trong các bảng xếp hạng đại học trên thế giới. Trong đánh giá chất lượng các trường đại học, nghiên cứu khoa học cũng là một tiêu chuẩn có nhiều tiêu chí. Với bản thân mỗi giảng viên, NCKH là nhiệm vụ bắt buộc theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên của Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT [2]. Quy định này là cần thiết bởi NCKH giúp mỗi giảng viên phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực nghiên cứu; khẳng định vị thế chuyên môn, uy tín của bản thân; là điều kiện cần để đạt được học vị, học hàm; và quan trọng nhất là giúp nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo (giảng dạy, hướng dẫn sinh viên NCKH).

Trường ĐHSP, Đại học Huế là một trường đại học có bề dày lịch sử 62 năm. Đội ngũ của Trường có 389 cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng, trong đó có 241 giảng viên, với 56% có trình độ Tiến sĩ, có học hàm Phó Giáo sư và Giáo sư. Với đội ngũ nhân lực có trình độ cao và kinh nghiệm nghiên cứu, những năm qua hoạt động NCKH của giảng viên Trường ĐHSP, Đại học Huế đã đạt được những thành tựu đáng kể. Hàng năm, giảng viên của Trường thực hiện một số lượng lớn đề tài các cấp, trong đó, bên cạnh đề tài cấp Trường, có nhiều đề tài cấp cao hơn như nghiên cứu cơ bản (NCCB) của Quỹ NAFOSTED, đề tài cấp Quốc gia, cấp Bộ, cấp Tỉnh, cấp Đại học Huế; công bố nhiều công trình khoa học trên các tạp chí, hội thảo có uy tín của quốc tế và trong nước. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đã đạt được, hoạt động NCKH của giảng viên Trường ĐHSP, Đại học Huế còn những bất cập, chẳng hạn thiếu đồng đều giữa các chuyên ngành khoa học, các đơn vị trong Trường; chất lượng một số nghiên cứu chưa cao, chưa tiếp cận được chuẩn về NCKH của quốc tế...

Quản lý được định nghĩa là “*quá trình đạt đến mục tiêu của tổ chức bằng cách vận dụng các hoạt động (chức năng) kế hoạch hóa, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra*” [3]. Với hoạt động NCKH của giảng viên, quản lý là quá trình lãnh đạo Trường thực hiện các chức năng: lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch nhằm đạt mục tiêu của hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) nói riêng và mục tiêu phát triển của Trường nói chung. Hiệu quả công tác quản lý là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động NCKH của giảng viên. Chính vì vậy, nhóm tác giả đã đi sâu nghiên cứu về thực trạng quản lý hoạt động NCKH của giảng viên Trường ĐHSP, Đại học Huế, từ đó, đề xuất những biện pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của giảng viên nhà trường.

2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Khách thể nghiên cứu: Nghiên cứu thực hiện trên 155 CBQL và giảng viên của Trường. Các khách thể nghiên cứu được lựa chọn ngẫu nhiên.

Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi cùng được sử dụng với CBQL và giảng viên. Bài báo chỉ đề cập đến phần nội dung trong bảng hỏi liên quan

trực tiếp đến thực trạng quản lý hoạt động NCKH của giảng viên Trường ĐHSP, Đại học Huế. Các câu hỏi trong bảng hỏi được thiết kế theo thang Likert 4 bậc, tương ứng với mức điểm từ 1 đến 4. Cụ thể là, cho mức độ thực hiện: 1= Không thực hiện; 2= Thỉnh thoảng; 3= Khá thường xuyên; 4 = Rất thường xuyên; cho mức độ hiệu quả: 1= Yếu; 2 = Trung bình; 3= Khá; 4= Tốt; cho mức độ ảnh hưởng: 1= Không ảnh hưởng; 2= Ít ảnh hưởng; 3= Khá ảnh hưởng; 4= Rất ảnh hưởng. Dữ liệu từ phiếu hỏi được phân tích và mô tả, sử dụng điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC). Bên cạnh đó, hệ số tương quan Pearson cũng được tính để xác định mối quan hệ giữa mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên

Bảng 1. *Thực trạng xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH cho giảng viên ở Trường ĐHSP, Đại học Huế*

TT	Nội dung	Thực hiện		Hiệu quả		r
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Xác định mục tiêu cho hoạt động NCKH của giảng viên	3,20	0,63	3,12	0,67	0,64**
2	Xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH của giảng viên cho mỗi giai đoạn 5 năm	3,11	0,74	3,05	0,72	0,73**
3	Tổ chức cho giảng viên xây dựng kế hoạch NCKH của bản thân (gửi đề xuất đề tài, hồ sơ đăng ký)	3,27	0,72	3,17	0,76	0,74**
4	Tuyển chọn và phê duyệt đề xuất/đề tài NCKH của giảng viên để đưa vào kế hoạch hàng năm	3,44	0,66	3,29	0,68	0,73**
5	Xây dựng kế hoạch kinh phí cho các đề tài NCKH của giảng viên đã được phê duyệt	3,39	0,61	3,25	0,65	0,38**
6	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ việc công bố, ứng dụng sản phẩm NCKH của giảng viên (xuất bản tạp chí, tổ chức hội thảo khoa học...)	3,01	0,73	2,90	0,71	0,27**
7	Xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực NCKH cho giảng viên (phòng thí nghiệm, thư viện, tập huấn bồi dưỡng...)	2,90	0,75	2,81	0,74	0,83**
8	Tổng hợp kế hoạch NCKH của giảng viên hàng năm	3,31	0,72	3,24	0,71	0,87**
9	Cập nhật kế hoạch hoạt động NCKH của giảng viên lên trang web của Trường	3,17	0,81	3,10	0,77	0,90**

*Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$; r: Hệ số tương quan Pearson; **: $p < 0,01$*

Lập kế hoạch là chức năng quan trọng trong công tác quản lý bởi vai trò định hướng của kế hoạch đối với hoạt động của một tổ chức. Kết quả khảo sát thực trạng công tác lập kế hoạch hoạt động NCKH cho giảng viên ở Trường ĐHSP, Đại học Huế được chúng tôi trình bày ở Bảng 1.

Kết quả cho thấy, xét chung, CBQL và giảng viên đánh giá công tác lập kế hoạch hoạt động NCKH của giảng viên có mức thực hiện từ Khá thường xuyên đến Rất thường xuyên và mức hiệu quả từ Khá đến Tốt. Có mối tương quan thuận có ý nghĩa giữa mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện ở tất cả các nội dung của công tác lập kế hoạch, có nghĩa là, việc thực hiện càng thường xuyên thì hiệu quả càng cao.

Trong 9 nội dung đánh giá, Tuyển chọn và phê duyệt đề xuất/đề tài NCKH của giảng viên để đưa vào kế hoạch hàng năm được đánh giá cao nhất, cả về mức thực hiện và mức hiệu quả. Tiếp đến là Xây dựng kế hoạch kinh phí cho các đề tài NCKH của giảng viên đã được phê duyệt. Đây là 2 nội dung được thực hiện thường kỳ hàng năm trong công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ.

Nội dung được đánh giá thấp nhất là Xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực NCKH cho giảng viên (phòng thí nghiệm, thư viện, tập huấn bồi dưỡng...) với ĐTB cho mức độ thực hiện là 2,90 và cho hiệu quả thực hiện là 2,81. Việc xây dựng các kế hoạch về phòng thí nghiệm thường phụ thuộc vào nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước và theo kế hoạch một năm hoặc 5 năm. Bên cạnh đó, Trường còn phụ thuộc vào sự điều phối giữa các đơn vị thành viên của Đại học Huế nên chưa xây mới, nâng cấp được một số phòng thí nghiệm, phòng thực hành để đáp ứng yêu cầu của hoạt động nghiên cứu khoa học. Ngược lại, nâng cao chất lượng hoạt động của thư viện và tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực NCKH cho giảng viên là những việc “trong tầm tay” của Trường, vì vậy, Trường cần quan tâm đến những nội dung này khi đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động NCKH của giảng viên.

Bên cạnh đó, Xây dựng kế hoạch hỗ trợ việc công bố sản phẩm NCKH của giảng viên (xuất bản tạp chí, tổ chức hội thảo khoa học...) cũng chưa được thực hiện ở mức thường xuyên cao (ĐTB = 3,01) và hiệu quả cũng không cao (ĐTB = 2,90). Với trào lưu “công bố hay là chết”, việc công bố kết quả NCKH là một yêu cầu cấp thiết của tất cả các trường đại học. Bên cạnh việc công bố kết quả nghiên cứu ở các tạp chí và hội thảo khoa học thì việc chuyển giao kết quả nghiên cứu thành các giáo trình, bài giảng, sách tham khảo, chuyên khảo cũng đóng vai trò quan trọng nhằm bổ sung nguồn tài liệu cho hoạt động dạy học và nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy Trường ĐHSP, Đại học Huế cần có kế hoạch cụ thể hơn để hỗ trợ, giúp đỡ giảng viên trong hoạt động công bố kết quả nghiên cứu.

3.2. Thực trạng tổ chức, chỉ đạo thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên

Tổ chức, chỉ đạo là những chức năng quản lý có vai trò quan trọng trong hoạt động khoa học và công nghệ của Trường ĐHSP, Đại học Huế, vì vậy, chúng tôi đã khảo sát thực

trạng tổ chức, chỉ đạo thực hiện hoạt động NCKH của giảng viên ở Trường và kết quả được trình bày trong Bảng 2.

Bảng 2. *Thực trạng tổ chức, chỉ đạo thực hiện hoạt động NCKH Trường ĐHSP, Đại học Huế*

TT	Nội dung	Thực hiện		Hiệu quả		r
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Phổ biến quy định về giờ làm việc của giảng viên nhằm thúc đẩy giảng viên NCKH	3,36	0,69	3,26	0,67	0,79**
2	Phổ biến các văn bản hướng dẫn thực hiện hoạt động NCKH đến các giảng viên	3,48	0,62	3,43	0,62	0,80**
3	Tổ chức triển khai ký hợp đồng thực hiện đề tài với các giảng viên (chủ nhiệm đề tài)	3,55	0,57	3,52	0,60	0,80**
4	Tổ chức, hướng dẫn cho giảng viên tạm ứng, thanh toán kinh phí đề tài	3,48	0,65	3,38	0,70	0,65**
5	Tổ chức cho giảng viên báo cáo định kỳ về tiến độ thực hiện nghiên cứu	3,39	0,69	3,32	0,68	0,83**
6	Tổ chức hoạt động đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu đề tài	3,58	0,58	3,52	0,59	0,78**
7	Tổ chức việc xác nhận hoàn thành, lưu trữ hồ sơ sau nghiệm thu	3,36	0,69	3,26	0,67	0,79**
8	Động viên và tạo điều kiện để giảng viên chủ trì và tham gia đề tài NCKH các cấp	3,48	0,62	3,43	0,62	0,80**
9	Chỉ đạo thiết lập và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh	3,55	0,57	3,52	0,60	0,80**
10	Sử dụng quỹ khuyến khích tài năng nhằm tạo động lực NCKH cho giảng viên	3,48	0,65	3,38	0,70	0,65**

*Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$; r: Hệ số tương quan Pearson; **: $p < 0,01$*

Tổ chức là một chức năng quản lý bao gồm việc xây dựng cơ cấu các bộ phận, xác lập mối quan hệ giữa các bộ phận và phân công nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm để đạt mục tiêu. Ở Trường ĐHSP, Đại học Huế, cơ cấu bộ máy quản lý hoạt động quản lý NCKH của giảng viên gồm: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách hoạt động khoa học công nghệ, Trưởng phòng KHCN-HTQT, Trưởng các đơn vị chức năng trong Trường, các Trưởng khoa và trợ lý Khoa (phụ trách về NCKH). Với những nhiệm vụ cụ thể, việc phân công trách nhiệm và chỉ đạo thực hiện đi cùng nhau và được chúng tôi kết hợp vào trong 10 nội dung để khảo sát như ở Bảng 2.

Bảng số liệu cho thấy, tất cả 10 nội dung khảo sát đều được đánh giá cao, với $\text{ĐTB}_{\text{TH}} \geq 3,36$ và $\text{ĐTB}_{\text{HQ}} \geq 3,26$. So sánh với thực trạng lập kế hoạch vừa trình bày ở trên thì cả

mức thực hiện và mức hiệu quả của công tác tổ chức, chỉ đạo hoạt động NCKH của giảng viên đều cao hơn. Kết quả phân tích số liệu cho thấy có mối tương quan thuận có ý nghĩa và chặt chẽ giữa mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện.

Trong 10 nội dung được khảo sát, Tổ chức hoạt động đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu đề tài được đánh giá cao nhất. Từ trước đến nay khâu thành lập hội đồng và tổ chức nghiệm thu đề tài KH&CN các cấp đã được Trường hết sức quan tâm. Trường đã thành lập được các hội đồng phù hợp với chuyên môn, tổ chức các hội đồng nghiệm thu đã theo quy định và đánh giá khách quan kết quả thực hiện các đề tài NCKH.

Chỉ đạo thiết lập và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh cũng được đánh giá cao ở vị trí tiếp theo, cả về mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện. Các nhóm nghiên cứu mạnh có mục tiêu tập hợp các nhà nghiên cứu chuyên môn sâu hoặc liên ngành cùng thực hiện các nhiệm vụ có tính mới và đột phá nhằm tạo ra các sản phẩm KH&CN chất lượng cao; Tìm kiếm các dự án, chương trình NCKH trong nước và quốc tế; Kết hợp hiệu quả công tác hợp tác quốc tế trong đào tạo và xuất bản các công trình nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế hoạt động NCKH. Trong thời gian qua, Trường đã thành lập được 03 nhóm nghiên cứu mạnh cấp Đại học Huế, 05 nhóm nghiên cứu mạnh cấp Trường.

Một nội dung khác cũng được đánh giá cao là Tổ chức triển khai ký hợp đồng thực hiện đề tài với các giảng viên (chủ nhiệm đề tài). Thực tế trong những năm gần đây, hàng năm, Trường đều tổ chức gặp mặt chủ trì đề tài các cấp và triển khai ký hợp đồng. Trong buổi gặp mặt đó, Phòng KHCN-HTQT phổ biến các quy định và hướng dẫn các thủ tục hành chính, tài chính cần hoàn thành.

Ngược lại, 2 nội dung Phổ biến quy định về giờ làm việc của giảng viên nhằm thúc đẩy giảng viên NCKH và Tổ chức việc xác nhận hoàn thành, lưu trữ hồ sơ sau nghiệm thu được đánh giá thấp hơn cả về mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện. Liên quan đến việc xác nhận hoàn thành sau khi nghiệm thu, Trường chủ động xác nhận hoàn thành, lưu trữ hồ sơ sau nghiệm thu đối với các đề tài KH&CN cấp Trường. Các loại hình đề tài KH&CN cấp Bộ, cấp Đại học Huế, NCCB do các cơ quan cấp trên chịu trách nhiệm cấp giấy xác nhận hoàn thành và vì vậy thường bị chậm trễ hơn.

3.3. Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên

Kiểm tra, đánh giá là một trong những nhiệm vụ chủ chốt của quá trình quản lý hoạt động NCKH, là cơ sở để đánh giá chất lượng hoạt động NCKH. Kết quả khảo sát thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động NCKH của giảng viên Trường ĐHSP, Đại học Huế được trình bày trong Bảng 3 sau đây.

Có thể thấy từ Bảng 3, cả 6 nội dung của công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động NCKH của giảng viên đều được đánh giá là thực hiện ở mức từ Khá thường xuyên đến Rất thường xuyên, đạt hiệu quả từ Khá đến Tốt và có mối tương quan thuận chặt chẽ giữa 2 biến. Trong đó, Khen thưởng cá nhân, tập thể giảng viên có thành tích NCKH tốt được đánh giá là thực hiện thường xuyên nhất (ĐTB= 3,50) và đạt hiệu quả cao nhất (ĐTB=3,48). Trong những năm vừa qua, Trường ĐHSP, Đại học Huế là đơn vị duy nhất trong

Đại học Huế có Quỹ Khuyến khích Tài năng với khoản kinh phí từ 200 - 300 triệu đồng để khen thưởng các cán bộ, giảng viên có thành tích tốt trong hoạt động NCKH. Hàng năm, Trường tuyển chọn các công trình có chất lượng tốt để tham gia các Giải thưởng KH&CN cấp Đại học Huế, cấp Tỉnh, cấp Bộ và đạt nhiều giải thưởng cao.

Mặc dù vẫn được đánh giá là thực hiện Khá thường xuyên và đạt hiệu quả Khá, nội dung Kiểm tra định kỳ, giám sát quá trình thực hiện các hoạt động NCKH có mức thực hiện và mức hiệu quả thấp hơn so với các nội dung khác. Kết quả này có thể xuất phát từ việc Trường ĐHSP, Đại học Huế quản lý khá nhiều loại hình đề tài khác nhau và công tác kiểm tra định kỳ mỗi loại hình được thực hiện khác nhau. Trong đó, đề tài KH&CN cấp Bộ, Cấp Quốc gia do Đại học Huế kiểm tra định kỳ; đề tài NCCB do Quỹ NAFOSTED tài trợ thực hiện báo cáo định kỳ trên trang OMS của Quỹ; đề tài cấp Tỉnh do các tỉnh quản lý trực tiếp; đề tài cấp Đại học Huế và cấp Trường do Trường ĐHSP kiểm tra định kỳ. Việc kiểm tra định kỳ tất cả các hoạt động NCKH của giảng viên vì vậy khá khó khăn. Hậu quả là một số đề tài KH&CN các cấp đã phải gia hạn thời gian thực hiện hay bị thanh lý do quá thời gian thực hiện, sản phẩm khoa học chưa đảm bảo theo thuyết minh đã đăng ký.

Bảng 3. Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động NCKH của giảng viên Trường ĐHSP, Đại học Huế

TT	Nội dung	Thực hiện		Hiệu quả		r
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Xây dựng các văn bản liên quan đến đánh giá chất lượng đề tài NCKH của giảng viên	3,17	0,69	3,16	0,67	0,76**
2	Kiểm tra định kỳ, giám sát quá trình thực hiện các hoạt động NCKH	3,16	0,67	3,19	0,63	0,79**
3	Kiểm tra, xem xét đề nghị điều chỉnh nội dung thuyết minh đề tài của giảng viên trong thời gian cho phép theo quy định	3,28	0,64	3,25	0,67	0,77**
4	Rà soát sự đáp ứng của các sản phẩm đề tài so với đăng ký trong thuyết minh trước khi tổ chức nghiệm thu	3,32	0,65	3,35	0,66	0,84**
5	Đánh giá tình hình thực hiện hoạt động NCKH của giảng viên hàng năm và theo yêu cầu của các cấp	3,32	0,63	3,31	0,65	0,81**
6	Khen thưởng cá nhân, tập thể giảng viên có thành tích NCKH tốt	3,50	0,61	3,48	0,62	0,84**

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$; r: Hệ số tương quan Pearson; **: $p < 0,01$

3.4. Thực trạng quản lý các điều kiện đảm bảo hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên

Quản lý các điều kiện đảm bảo cho hoạt động NCKH góp phần thúc đẩy hoạt động này

ngày càng phát triển. Do đó, chúng tôi đã khảo sát thực trạng quản lý các điều kiện đảm bảo hoạt động NCKH của giảng viên Trường ĐHSP, Đại học Huế và kết quả được trình bày ở Bảng 4.

Bảng 4. *Thực trạng quản lý các điều kiện đảm bảo hoạt động NCKH của giảng viên Trường ĐHSP, Đại học Huế*

TT	Nội dung	Thực hiện		Hiệu quả		r
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
1	Xây dựng bộ máy quản lý hoạt động NCKH của giảng viên	3,23	0,66	3,17	0,67	0,73**
2	Đảm bảo sự phối hợp giữa các cấp quản lý hoạt động NCKH của giảng viên (Ví dụ: Đại học Huế, Trường, Khoa)	3,22	0,68	3,17	0,67	0,75**
3	Bồi dưỡng phát triển năng lực NCKH cho giảng viên của Trường	2,95	0,72	2,89	0,68	0,79**
4	Đầu tư kinh phí cho hoạt động NCKH của giảng viên của Trường	3,09	0,70	2,97	0,69	0,78**
5	Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ hoạt động NCKH của giảng viên (phòng thí nghiệm, thư viện, công nghệ thông tin)	2,85	0,76	2,81	0,76	0,88**

*Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$; r: Hệ số tương quan Pearson; **: $p < 0,01$*

Kết quả cho thấy, so với các nội dung khác trong thực trạng quản lý hoạt động NCKH của giảng viên thì đây là nội dung được đánh giá thấp nhất, cả về mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện. ĐTB của mức độ thực hiện là từ 2,85 đến 3,23 và của hiệu quả thực hiện là từ 2,81 đến 3,17. Mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện tương quan thuận chặt chẽ với nhau. Trong đó, Xây dựng bộ máy quản lý hoạt động NCKH của giảng viên và Đảm bảo sự phối hợp giữa các cấp quản lý hoạt động NCKH của giảng viên (Ví dụ: Đại học Huế, Trường, Khoa) được đánh giá cao nhất. Kết quả này phản ánh thực tế rằng Trường ĐHSP, ĐH Huế có bộ máy quản lý hoạt động NCKH đã được hình thành trong thời gian dài và hoạt động hiệu quả; cơ cấu tổ chức quản lý hoạt động KH&CN của Đại học Huế được tổ chức theo ngành dọc và có sự phối hợp chặt chẽ với nhau.

Ngược lại, Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ hoạt động NCKH của giảng viên (phòng thí nghiệm, thư viện, công nghệ thông tin) được đánh giá là thực hiện ít thường xuyên nhất, với ĐTB= 2,85 và có hiệu quả thấp nhất, với ĐTB= 2,81. Đây là vấn đề cốt yếu của Trường ĐHSP, ĐH Huế trong những năm qua. Mặc dù được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Huế quan tâm, nhưng việc đầu tư các phòng thí nghiệm đáp ứng yêu cầu nghiên cứu chuyên sâu của các giảng viên tại Trường còn hạn chế; việc đầu tư quá phụ thuộc vào ngân sách nhà nước theo các dự án Phát triển năng lực của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong cả giai đoạn 2013 - 2018, Trường chỉ được đầu tư 01 phòng thí nghiệm Động vật học, với kinh phí 5 tỉ đồng. Điều này quá khiêm tốn so với yêu cầu hiện đại hóa phòng

thí nghiệm đủ để thực hiện các nghiên cứu có thể công bố kết quả trên các tạp chí Quốc tế có uy tín.

Bên cạnh đó, Bồi dưỡng phát triển năng lực NCKH cho giảng viên của Trường cũng là nội dung được đánh giá là thực hiện không thường xuyên và hiệu quả không cao. Với sự phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ, các công cụ phục vụ cho hoạt động NCKH thay đổi, hiện đại hóa liên tục. Bên cạnh đó, yêu cầu về hội nhập quốc tế trong nghiên cứu và công bố kết quả đòi hỏi giảng viên phải nâng cao năng lực NCKH theo chuẩn quốc tế. Chính vì vậy, Trường ĐHSP, ĐHH cần quan tâm nhiều hơn đến việc bồi dưỡng phát triển năng lực NCKH cho giảng viên, kết hợp với việc khuyến khích, động viên giảng viên tự bồi dưỡng năng lực NCKH của họ.

4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Kết quả nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động NCKH của giảng viên Trường ĐHSP, Đại học Huế cho thấy bên cạnh những nội dung đã thực hiện tốt, góp phần đem đến thành tích hoạt động KH&CN của Trường, công tác quản lý còn có những hạn chế cần khắc phục. Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của giảng viên, Trường ĐHSP, Đại học Huế cần thực hiện các biện pháp quản lý sau:

- Cần thường xuyên thực hiện và nâng cao hiệu quả công tác lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH của giảng viên. Trong đó, quan tâm nhiều hơn đến việc lập kế hoạch nâng cao năng lực NCKH của giảng viên và kế hoạch hỗ trợ giảng viên công bố kết quả NCKH trên các tạp chí, hội thảo khoa học có uy tín trên thế giới và Việt Nam; phối hợp tốt với các cấp để tổ chức việc xác nhận hoàn thành, lưu trữ hồ sơ sau nghiệm thu cho tất cả các loại đề tài NCKH; tăng cường việc kiểm tra định kỳ, giám sát quá trình thực hiện các hoạt động NCKH của giảng viên.
- Cần quan tâm đến việc nâng cao năng lực NCKH cho giảng viên, thông qua việc bồi dưỡng nâng cao năng lực thực hiện các đề tài NCKH và năng lực công bố kết quả NCKH; cũng như đầu tư xây mới, nâng cấp cơ sở vật chất như phòng thí nghiệm, thư viện và nâng cao chất lượng hoạt động, sử dụng cơ sở vật chất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014). *Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên*, ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 30/12/2014, Hà Nội.
- [2] Chính phủ (2014). *Nghị định về đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học*, số 99/2014/NĐ-CP, ngày 25/10/2014, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2014). *Đại cương khoa học quản lý*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Vũ Cao Đàm (2006). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Xuất bản lần thứ 13, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

Title: STATUS OF MANAGING SCIENTIFIC RESEARCH ACTIVITIES OF TEACHING STAFF IN UNIVERSITY OF EDUCATION, HUE UNIVERSITY

Abstract: Scientific research is one of the two main tasks of teaching staff, besides teaching activities. It facilitates the teaching staff contribute to the development of the science and solve the problems of society; helps their capacity building and increases the university's training quality. The article presents the results of study on status of management of scientific research activities of teaching staff in University of Education, Hue University, therefore, proposes suitable and viable management measures to improve the quality of scientific research activities of the faculty. A questionnaire was issued to 155 managers and teaching staff in University of Education, Hue University. The study results showed that the university has made plan; organized, directed the implementation of the plan; conducted monitoring and evaluating scientific research activities of teaching staff; as well as tried to ensure the conditions necessary for the activities. However, the University also needs to implement some management measures to reduce weaknesses, in order to improve the quality of scientific research activities of teaching staff.

Keywords: Teaching staff, scientific research, management, management measures, University of Education, Hue University.